

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CỐNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 30-7-2019  
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Thuận
2. Bà Nguyễn Thị Anh

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Ý, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

**2. Bị đơn:** Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1976 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đinh Thị Ý trình bày:***

***Về hôn nhân:*** Chị và anh Phạm Văn T1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 2 năm thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25 tháng 01 năm 1997. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh T1 có quan hệ ngoại tình, đi suốt ngày đêm, về nhà không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh lại nhắn tin chửi bới, đe dọa hành hung, đánh đập chị. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Vợ

chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 8/2017 đến nay. Hiện chị không có thai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T1 được nữa nên xin được ly hôn anh T1.

*Về con chung:* Chị và anh T1 có 03 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 24/4/1997 (đã thành niên); Phạm Kim C, sinh ngày 06/02/2005 và Phạm Văn C1, sinh ngày 06/6/2011.

Nguyên vọng của chị xin được nuôi cháu C và cháu C1, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng là 2.000.000đ (mỗi cháu 1.000.000đ) cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2019.

*Về tài sản và nợ chung:* Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm nhà, đất và các tài sản khác tổng trị giá 418.860 000đ. Đồng thời yêu cầu giải quyết về nợ phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam huyện, chi nhánh Nông Công, phòng giao dịch Cầu Quan là 60.000.000đ.

Ngày 25/6/2019 chị có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về phần tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2018 bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày:***

*Về hôn nhân:* Thời điểm kết hôn cũng như mâu thuẫn anh thống nhất như chị Ý đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn anh trình bày như sau: Do điều kiện kinh tế khó khăn, anh phải lo làm ăn buôn bán để kiếm tiền, đi sớm về muộn cũng chỉ lo cho gia đình, vợ con. Nhưng chị Ý lại cho rằng anh có quan hệ ngoại tình. Từ đó chị Ý không quan tâm đến ý đến anh, những lần anh bị ốm phải đi Hà Nội khám bệnh chị cũng không hỏi han xem thế nào. Trong cuộc sống anh phải tự lo cho bản thân. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình giàn xếp nhưng không được. Anh và chị Ý sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Hiện nay chị Ý không có thai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Số con chung và ngày tháng năm sinh của các con, anh thống nhất như chị Ý đã trình bày. Nguyên vọng của anh xin được nuôi cháu C, chị Ý nuôi cháu C1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Ý nuôi cả hai con thì anh cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đ cho cả con.

*Về tài sản và nợ chung:* Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm nhà và các tài sản khác tổng trị giá 354.000.000đ. Đồng thời yêu cầu giải quyết về nợ phải trả tổng là 90.000.000đ; gồm nợ Ngân hàng 60.000.000đ, chị Lê Thị L 30.000.000đ.

Anh T1 đã biết việc chị Ý xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ. Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh không có mặt để giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự, chị Ý thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh T1 chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp

luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- *Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Ý được ly hôn anh T1; giao 2 con cho chị Ý trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 2.000.000đ cả 2 con; chị Ý phải chịu án phí DSST, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Ý và anh Phạm Văn T1 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị Ý xin được ly hôn, về phía anh T1 cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ý là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Ý và anh T1 có 03 con chung. Cháu Phạm Thùy L đã thành niên. Ly hôn chị Ý có nguyện vọng xin nuôi cháu C và cháu C1, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi cháu 1.000.000đ); các cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Về phía anh T1 cũng đồng ý giao 2 con cho chị Ý trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 1.500.000đ. HĐXX xét thấy nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con của chị Ý là chính đáng, 2 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ và cũng phù hợp với điều kiện thực tế vì hiện nay anh T1 không có mặt tại địa phương. Vì vậy, giao cho chị Ý trực tiếp nuôi dưỡng 2 con và buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo mức đề nghị của chị Ý là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị Ý xin rút yêu cầu về phần tài sản và nợ chung. Về phía anh T1 đã biết nhưng không có ý gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Ý và anh T1 không thuộc diện được miễn án phí nên chị Ý phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Đinh Thị Ý được ly hôn anh Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Giao chị Ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Kim C, sinh ngày 06/02/2005 và Phạm Văn C1, sinh ngày 06/6/2011. Anh T1 cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 đến khi các con thành niên và có khả năng lao động.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Ý phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006682 ngày 19/6/2018. Trả lại cho chị Ý 11.971.000đ tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản theo biên lai thu số AA/2015/0006683 ngày 19/6/2018. Anh T1 phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị Ý, vắng mặt anh T1. Chị Ý có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Văn Tình**